

NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN

(Trích *Những người khốn khổ*)

HUY-GÔ

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu tình cảm yêu, ghét của Huy-gô đối với các nhân vật trong đoạn trích.
- Nắm được nghệ thuật tinh tế tác giả sử dụng trong việc tạo dựng tình huống và khắc họa nhân vật.

TIỂU DẪN

1. Huy-gô



Victor Hugo (Victor Hugo, 1802 - 1885) là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà soạn kịch lãng mạn nổi tiếng của Pháp⁽¹⁾. Ông sinh ra và lớn lên sau khi Cách mạng 1789 đã thành công, song thế lực và những tàn dư của chế độ phong kiến vẫn còn. Cha ông là một tướng lính cách mạng, nhưng mẹ ông lại là người mang nặng tư tưởng bảo hoàng. Tài năng thơ của Huy-gô bộc lộ sớm từ khi còn đi học : mười lăm tuổi được Viện Hàn lâm khích lệ, hai mươi tuổi, in tập thơ đầu tay. Nhưng nhà thơ trẻ những năm tháng ấy chịu ảnh hưởng giáo dục của mẹ, cũng đứng về phía bảo hoàng, đồng thời hướng theo thần tượng Sa-tô-bri-ăng⁽²⁾.

(1) Chủ nghĩa lãng mạn Pháp xuất hiện sau Cách mạng 1789 và phát triển chủ yếu vào nửa đầu thế kỷ XIX.

(2) Sa-tô-bri-ăng (François - René de Chateaubriand, 1768 - 1848) : nhà văn lãng mạn Pháp.

Tư tưởng Huy-gò chuyển biến mạnh mẽ cùng với các phong trào cách mạng diễn ra sôi động ở Pháp suốt thế kỷ XIX. Vài năm trước khi cuộc Cách mạng tháng Bảy 1830⁽¹⁾ nổ ra, ông từ bỏ tư tưởng bảo hoàng và trở thành chủ soái của dòng văn học lãng mạn tích cực với nhiều tác phẩm thơ, kịch, tiểu thuyết đặc sắc.

Năm 1851, ông đứng về phía nền Cộng hoà, kịch liệt chống lại sự kiện Sắc-lơ Lu-i Bô-na-pác⁽²⁾ tiến hành cuộc đảo chính, lên làm Hoàng đế; và bắt đầu cuộc sống lưu vong suốt mười chín năm, khi ở Bỉ, khi ở mấy hòn đảo ngoài khơi nước Anh. Đây là thời kì xuất hiện nhiều kiệt tác của ông.

Năm 1870, khi nền Cộng hoà được khôi phục, Huy-gò trở về nước với sự đón tiếp nồng nhiệt của dân chúng. Năm sau (1871), Công xã Parí nổ ra, tồn tại được bảy mươi hai ngày rồi bị đàn áp đẫm máu, ông dùng cám lèn tiếng bênh vực và xin ăn xá cho các chiến sĩ Công xã, tuy trước đó ông không tán thành đường lối cách mạng của Công xã.

Có thể nói tư tưởng của Huy-gò đã chuyển biến "từ bóng tối ra ánh sáng" như chữ dùng của ông trong *Những người khổn khổ*.

Huy-gò thành công trên nhiều thể loại, nhưng trước hết ông là một nhà thơ với hàng loạt tập thơ trải dài trong suốt cuộc đời, tiêu biểu như *Lá thu* (1831), *Trừng phạt* (1853), *Mặc tướng* (1856),...

Cùng với sáng tác thơ, ông viết tiểu thuyết từ khi còn trẻ cho đến lúc về già; nhiều tác phẩm không xa lạ với chúng ta như *Nhà thờ Đức Bà Parí* (1831), *Những người khổn khổ* (1862),... Trái lại, kịch lãng mạn của Huy-gò chủ yếu tập trung vào những năm ba mươi, tiêu biểu nhất là *Héc-narni* (1830), vở kịch đã gây sóng gió trên sân khấu thời bấy giờ.

2. Tiểu thuyết *Những người khổn khổ*

Cốt truyện được đặt vào thời gian mấy chục năm đầu thế kỷ XIX. Giangi Van-giang là người lao động nghèo khổ vì đập vỡ tủ kính lấy cắp một chiếc bánh mì để nuôi cháu mà dẫn đến mười chín năm tù khổ sai. Ra tù, nhờ sự cảm hóa của giám mục Mi-ni-en, ông trở thành người tốt sau khi phạm thêm tội cướp đồng bào của bé Giéc-ve. Ông đổi tên là Ma-đơ-len, mở nhà máy, trở nên giàu có, luôn giúp đỡ mọi người và được cử làm thị trưởng một thành phố nhỏ. Nhưng thanh tra mật thám Gia-ve dưới quyền ông vẫn nghi ngờ, rình mò, theo dõi. Phảng-tin là người phụ nữ gặp nhiều oan trái, làm việc trong xưởng

(1) *Cách mạng tháng Bảy 1830*: cuộc cách mạng chấm dứt mươi lăm năm chế độ phong kiến phục hồi (thời kì Trung hưng, 1815 - 1830) sau khi bị lật đổ trong Cách mạng 1789.

(2) *Sắc-lơ Lu-i Bô-na-pác* (Charles - Louis Bonaparte, 1808 - 1873): cháu của Na-pô-lê-ông I (Napoléon I), lên làm hoàng đế, lấy hiệu là Na-pô-lê-ông III (Napoléon III).

máy của ông, vì có con hoang là Cô-dét mà bị mụ giàm thị sa thải, phải gửi con cho hai vợ chồng gá chủ quán lưu manh Tê-nác-đi-ê, rồi làm gái điếm để lấy tiền nuôi thân và nuôi con ; chị phản ứng lại gá tư sản Ba-ma-ta-boa trêu chọc tàn nhẫn trong lúc chị đang đau ốm, liền bị Gia-ve bắt bỏ tù, may nhờ có Ma-đơ-len can thiệp mới được thoát nạn, rồi lại được Ma-đơ-len đưa vào năm ở bệnh xá. Đang lúc hết lòng cứu giúp Phăng-tin, Ma-đơ-len lại quyết định ra toà tự thú để cứu Sảng-ma-chi-ơ bị bắt oan. Ông trở lại với tên thật của mình (xem *Người cầm quyền khôi phục uy quyền*), vào tù, rồi lại vượt ngục, tìm đến chuộc bé Cô-dét đang sống khổ sở tại nhà Tê-nác-đi-ê, giữ lời hứa với Phăng-tin lúc chị qua đời. Ông đưa Cô-dét lên Pa-ni, sống lẩn trốn nhiều năm. Một cuộc khởi nghĩa của nhân dân dựng chiến luỹ chống lại chính quyền tư sản nổ ra ở Pa-ni vào tháng sáu năm 1832 được miêu tả hết sức hào hùng với nhiều hình tượng hư cấu đẹp như chàng sinh viên Ăng-giòn-rát, cụ già Ma-b López, chú bé Ga-vor-rốt,... Giăng Van-giăng cũng có mặt trên chiến luỹ. Ông cứu sống Ma-ní-uýt, người yêu của Cô-dét và tha chết cho Gia-ve. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị dập tắt, ông vun đắp cho tình yêu của Ma-ní-uýt với Cô-dét và cuối cùng chết trong cảnh cô đơn.

*
* * *

Từ ngày ông thị trưởng gỡ cho Phăng-tin thoát khỏi Gia-ve, chị không gặp lại hắn lần nào. Đầu óc ốm yếu của chị không hiểu được gì, nhưng chị tin là hắn đến để bắt chị. Chị không thể chịu đựng được bộ mặt gớm ghiếc ấy, chị thấy như chết lịm đi, chị lấy tay che mặt và kêu lên hãi hùng :

– Ông Ma-đơ-len, cứu tôi với !

Giăng Van-giăng – từ giờ chúng ta sẽ không gọi ông bằng cái tên nào khác – đứng dậy. Ông bảo Phăng-tin bằng một giọng hết sức nhẹ nhàng và điềm tĩnh :

– Cứ yên tâm. Không phải nó đến bắt chị đâu.

Rồi ông quay lại nói với Gia-ve :

– Tôi biết là anh muốn gì rồi.

Gia-ve đáp :

– Mau lên !

Trong cái điệu hắn nói lên hai tiếng ấy có cái gì man rợ và điên cuồng. [...] Không còn là tiếng người nói mà là tiếng thú gầm.

Hắn không làm như thường lệ. Hắn không mào đầu gì cả ; hắn không chìa tờ trát truy nã ra. Hắn coi Giăng Van-giăng như một địch thủ bí hiểm và không sao

bắt được, một đồ vật lạ lùng hắn ôm ghì đã năm năm mà không thể quật ngã. Lần này tóm được không phải là bắt đâu mà là kết thúc. Hắn chỉ bảo : Mau lên !

Hắn cứ đứng lì một chỗ mà nói ; hắn phóng vào Giăng Van-giăng cặp mắt nhìn như cái móc sắt, và với cái nhìn ấy hắn từng quen kéo giật vào hắn bao kẻ khốn khổ.

Chính cái nhìn ấy hai tháng trước đây Phăng-tin đã thấy nó đi thấu vào đến tận xương tuỷ.

Nghe thấy tiếng Gia-ve, Phăng-tin lại mở mắt ra. Nhưng ông thị trưởng vẫn đứng đó. Chị còn sợ gì nữa ?

Gia-ve tiến vào giữa phòng và hét lên :

– Thế nào ! Mày có đi không ?

Người đàn bà khốn khổ nhìn quanh. Chẳng có ai ngoài bà xơ và ông thị trưởng. Thế thì nó mày tao thô bỉ với ai ? Chỉ là với chị. Chị rùng mình.

Rồi chị trông thấy một sự lạ lùng, đến mức ngay trong những cơn sốt mê sảng hãi hùng nhất chị cũng chưa từng thấy một chuyện tương tự.

Chị thấy tên mặt thám Gia-ve nắm lấy cổ áo ông thị trưởng ; chị thấy ông thị trưởng cúi đầu. Chị tưởng như cả thế giới đang tiêu tan.

Đúng là Gia-ve đã túm lấy cổ áo Giăng Van-giăng.

– Ông thị trưởng ơi ! Phăng-tin kêu lên.

Gia-ve phá lên cười, cái cười ghê tởm phô ra tất cả hai hàm răng.

– Ở đây làm gì còn có ông thị trưởng nữa !

Giăng Van-giăng không cố gỡ bàn tay hắn nắm cổ áo ông ra. Ông nói :

– Gia-ve...

Gia-ve ngắt lời ông :

– Gọi ta là ông thanh tra.

– Thưa ông, Giăng Van-giăng nói, tôi muốn nói riêng với ông câu này.

– Nói to ! Nói to lên ! Gia-ve đáp ; ai nói với ta thì phải nói to !

Giăng Van-giăng vẫn thi thâm :

– Tôi cầu xin ông một điều...

– Ta bảo mày nói to lên cơ mà.

– Nhưng điều này chỉ một mình ông nghe được thôi...

– Ta cần gì điều đó ? Ta không thèm nghe !

Giăng Van-giăng ghé gần hắn và hạ giọng nói thật nhanh :

– Xin ông thư cho ba ngày ! Ba ngày để đi tìm đứa con cho người đàn bà đáng thương kia ! Phải trả giá thế nào tôi cũng chịu. Nếu muốn, ông cứ đi kèm tôi cũng được.

– Mày nói giõn ! Gia-ve kêu lên. Chà chà ! Tao không ngờ mày lại ngốc thế ! Mày xin tao ba ngày để chuồn hả ! Mày bảo là để đi tìm đứa con cho con dì kia ! Á à ! Tốt thật ! Tốt thật đấy !

Phăng-tin run lên bần bật.

– Con tôi ! Chị kêu lên. Đi tìm con tôi ! Thế ra nó chưa đến đây !⁽¹⁾ Bà xơ oi ! Cho tôi biết con Cò-dét đâu. Tôi muốn con tôi ! Ông Ma-đơ-len oi ! Ông thị trưởng oi !

Gia-ve giậm chân :

– Giờ lại đến lượt con này ! Đồ khỉ, có cảm họng không ? Cái xứ chó đều gì mà bọn tù khổ sai làm ông nọ ông kia, còn lũ gái điếm được chạy chữa như những bà hoàng ! Nhưng này ! Sẽ thay đổi hết ; đã đến lúc rồi đấy !

Hắn nhìn Phăng-tin trùng trùng, lại túm một túm lấy cổ áo và ca-vát của Giăng Van-giăng, nói thêm :

– Tao đã bảo không có ông Ma-đơ-len, không có ông thị trưởng nào cả. Chỉ có một tên kè cắp, một tên kè cướp, một tên tù khổ sai là Giăng Van-giăng ! Tao bắt được nó đây này ! Chỉ có thể thôi !

Phăng-tin chống hai bàn tay và hai cánh tay cứng đơ vùng nhóm dây, chị nhìn Giăng Van-giăng, chị nhìn Gia-ve, chị nhìn bà xơ, chị há miệng như muốn nói, từ trong họng thốt ra tiếng rên, răng đánh vào nhau cầm cập, chị hoảng hốt giơ tay lên, hai bàn tay cổ súc mở ra tìm chỗ bám như người rơi xuống nước đang chói vối, rồi chị bỗng ngã vật xuống gối. Đầu chị đập vào thành giường rồi ngoeo xuống ngực, miệng há hốc, hai mắt mở to và lờ đờ.

Phăng-tin đã tắt thở.

Giăng Van-giăng để tay lên bàn tay Gia-ve đang túm lấy ông, cậy bàn tay ấy ra như cậy bàn tay trẻ con và bảo hắn :

(1) Trước đó, Giăng Van-giăng nói dối để làm yên lòng Phăng-tin là ông đã cho đón Cò-dét về rồi.

- Anh đã giết chết người đàn bà này rồi đó.
- Đừng có loli thôi ! Gia-ve phát khùng hét lên. Tao không đến đây để nghe lí sự. Dẹp những cái đó lại. Lính tráng đang ở dưới nhà. Đi ngay, không thì cùm tay lại !

Trong góc phòng có chiếc giường sắt cũ đã op ép, dùng để các bà xơ ngả lưng những hôm phải trực đêm. Giăng Van-giăng đi tới, giật gẫy trong chớp mắt chiếc giường cũ nát, việc làm chẳng khó khăn gì đối với những cơ bắp như của ông, ông cầm lăm lăm cái thanh giường trong tay và nhìn Gia-ve trừng trừng, Gia-ve lùi ra phía cửa.

Giăng Van-giăng tay vẫn cầm thanh sắt, từ từ đến bên giường Phăng-tin. Đến nơi, ông quay lại nói với Gia-ve, bằng một giọng cố ý mới nghe rõ :

- Tôi khuyên anh đừng quấy rầy tôi lúc này.

Sự thật là Gia-ve run sợ.

Hắn định đi gọi lính tráng, nhưng lo Giăng Van-giăng thừa cơ trốn mất. Hắn đành đứng lại, tay nắm lấy đầu can, lưng tựa vào khung cửa, mắt không rời Giăng Van-giăng.

Giăng Van-giăng tì khuỷu tay lên thành giường, bàn tay đỡ lấy trán, ngắm Phăng-tin nằm dài không nhúc nhích. Ông ngồi như thế, mải miết, yên lặng, rõ ràng chẳng nghĩ đến điều gì trên đời này nữa. Trong nét mặt và dáng điệu ông chỉ thấy một nỗi thương xót khôn tả. Mơ màng một lúc lâu, ông mới cúi ghé lại gần và thì thầm bên tai Phăng-tin.

Ông nói gì với chị ? Người đàn ông bị ruồng bỏ ấy có thể nói gì với người đàn bà đã chết ? Những lời ấy là lời gì vậy ? Chẳng ai trên thế gian này nghe được. Kể đã chết có nghe thấy không ? Có những ảo tưởng cảm động, có thể là những sự thực cao cả. Điều mà chẳng ai nghi ngờ là bà xơ Xem-pli-xo, người độc nhất chứng kiến cảnh ấy, thường kể lại rằng lúc Giăng Van-giăng thì thầm bên tai Phăng-tin, bà trông thấy rõ ràng một nụ cười không sao tả được hiện trên đời môi ngọt ngọt và trong đôi mắt xa xăm, đầy ngỡ ngàng của chị khi đi vào cõi chết.

Giăng Van-giăng lấy hai tay nâng đầu Phăng-tin lên, đặt ngay ngắn giữa gối như một người mẹ sửa sang cho con. Ông thắt lại dây rút cổ áo chị, vén gọn mó tóc vào trong chiếc mũ vải. Rồi ông vuốt mắt cho chị.

Lúc ấy gương mặt Phăng-tin như sáng rõ lên một cách lạ thường.

Chết tức là đi vào bầu ánh sáng vĩ đại.

Bàn tay Phăng-tin buông thõng ngoài giường. Giăng Van-giăng quỳ xuống trước bàn tay ấy, nhẹ nhàng nâng lên và đặt vào đáy một nụ hôn.

Rồi ông đứng dậy, quay về phía Gia-ve và nói :

– Giờ thì tôi thuộc về anh.

(Những người khốn khổ, Phần thứ nhất
Theo bản dịch của nhóm LÊ QUÝ ĐÔN,
NXB Văn hoá, Hà Nội, 1958)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Xem xét "người cầm quyền" ở đây ứng với nhân vật nào để xác định ba phần của bài này. Đặt tiêu đề cho từng phần và nêu bật tình huống đầy kịch tính.
2. Tìm hiểu nhân vật Gia-ve (bộ dạng, ngôn ngữ, hành động, thái độ trước người bệnh, thái độ trước người chết,...) để chứng minh nhà văn có dụng ý nghệ thuật miêu tả hắn như một con thú.
3. Phân tích tình cảm của Giăng Van-giăng đối với Phăng-tin qua những lời lẽ và hành động tinh tế với các nhân vật trong đoạn trích.
4. Hãy lí giải các chi tiết nụ cười trên đôi môi và gương mặt rạng rỡ của Phăng-tin sau khi chị đã chết.

BÀI TẬP NÂNG CAO

Tâm lòng của Huy-gô đối với những người khốn khổ trong đoạn trích *Người cầm quyền khôi phục uy quyền*.

Bài tham khảo

CHÂN DUNG GIA-VE^(*)

Mũi Gia-ve tẹt có hai lỗ sâu hoác ; hai bên má hắn có hai chòm râu rậm mọc ngược lên đến chân mũi. Lần đâu nhìn hai cái rùng ấy và hai cái hang ấy, ai cũng thấy khó chịu. Khi hắn cười – nghĩa là hoạ hoán lầm và dễ sợ lầm – khi hắn cười thì đôi môi mỏng dính dang ra, phơi bày nỗi rãnh nào lợi. Lúc ấy, xung quanh cái mũi là cả một vết nhăn nhúm man rợ, trông như mõm ác thú. Gia-ve mà nghiêm nét mặt thì là một con chó dữ. Khi cười thì lại là một con cọp. Lại còn cái trán hẹp, cái hàm bánh, tóc toả xuống tận lồng mày, giữa hai con mắt lúc nào cũng có một vết nhúm trông như luôn luôn giận dữ, tia mắt tối tăm, miệng thì mím lại một cách khắc nghiệt đáng sợ, cả người hắn toát ra một vẻ oai nghiêm tàn ác. [...]

(*) Tên bài do người biên soạn đặt

Tất cả con người Gia-ve thể hiện sự rình mò, lén lút... Không thấy trán vì cái mũ sùm sụp ; không thấy mắt vì lông mày rậm, không thấy cầm vì chiếc khăn quàng quấn kín cổ, không thấy tay vì tay thọc vào túi áo rộng, không thấy gậy vì gậy giấu dưới áo. Khi cần đến thì đột nhiên mọi cái ấy từ trong bóng tối xông ra như một đoàn quân phục kích : cái trán hẹp và gồ, con mắt ác, cái cầm khiếp người, hai bàn tay hộ pháp và chiếc dùi cui to tướng.

Những lúc rỗi rã, mà Gia-ve ít khi rỗi, hắn có đọc sách tuy ghét sách vở. Bởi thế hắn không đến nỗi là người dốt lám. Cứ nghe văn nói câu kì của hắn thì biết.

Hắn không có một tật xấu gì. Khi nào đắc ý thì hắn tự thường cho mình một môi thuốc lá. Người hắn còn có chút gân nhẫn loại là ở chỗ đó.

(*Những người khốn khổ*, Phần thứ nhất
Theo bản dịch của nhóm LÊ QUÝ ĐÔN, Sđd)

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Tiểu thuyết hiện đại

Mặc dù hình thức tiểu thuyết đã có từ xưa ở phương Tây kể những chuyện hư cấu li kì như *Con lừa vàng* của A-pu-lây⁽¹⁾, *Gác-gang-chuya* và *Pang-ta-gruy-en* của Ra-bô-le⁽²⁾ hay tiểu thuyết truyền ki, tiểu thuyết chương hồi ở Trung Quốc, nhưng tiểu thuyết hiện đại, có ý kiến cho là bắt đầu với tác phẩm *Đôn Kích-hô-tê* của Xéc-van-tết ở Tây Ban Nha (thế kỉ XVI), có ý kiến cho là bắt đầu với tác phẩm *Rô-bin-xon Cru-xô* của Đô-phô ở nước Anh (thế kỉ XVIII).

Tiểu thuyết hiện đại vẫn có cốt truyện, nhân vật, chi tiết gây hồi hộp, đợi chờ cho người đọc, song câu chuyện ở đây được kéo dài với việc khắc họa hoàn cảnh, phân tích tâm lí, giới thiệu phong tục, trình bày lịch sử,... làm cho tiểu thuyết trở thành một bộ bách khoa thư của đời sống. Hình thức văn xuôi còn cho phép nhà văn miêu tả các loại ngôn ngữ của hiện thực sống động.

Tiểu thuyết hiện đại có nhiều loại xuất hiện trong lịch sử. Có loại *tiểu thuyết xã hội* như tác phẩm của Ban-dắc, Huy-gô,... chú trọng thể hiện quan hệ con người với hoàn cảnh, bày tỏ quan điểm một cách kín đáo hoặc công khai. Có loại *tiểu thuyết lịch sử* như của Xcott⁽³⁾, một số tác phẩm của L. Tôn-xtôi,... chú trọng tái hiện sự kiện và nhân vật lịch sử kết hợp với hư cấu, nêu ra các bài học nhận thức về lịch sử. Có loại *tiểu thuyết tư liệu*, *tiểu thuyết phong tục*, *tiểu thuyết võ hiệp*,... Tiểu thuyết là hình thức thể loại không ngừng vận động, đổi thay, không đóng cứng trong một hình thức cố định.

Tiểu thuyết hiện đại Việt Nam bắt đầu hình thành từ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, tác giả tiêu biểu là Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách.

(1) A-pu-lây (Apuleius, khoảng năm 125 - 180) : nhà văn La Mã.

(2) Ra-bô-le (François Rabelais, 1494 - 1553) : nhà văn Pháp.

(3) Xcott (Waltes Scott, 1771 - 1832) : nhà văn Anh.